TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 251/2024/DS-ST
Ngày: 14 - 8 - 2024
Về việc: Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Sa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Truyền
2. Bà Đặng Thu Hà

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Ngọc Quân - Thư ký Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham gia phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Anh Đào – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2024 tại Phòng xử án dân sự trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 72/2024/TLST-DS ngày 13/03/2024, về việc: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 100/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ trụ sở: Lầu H, 2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S (Công ty S1)

Địa chỉ: số B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của công ty TNHH MTQ *quản lý nợ và khai thác tài sản* Ngân hàng S: Ông Trần Gia T, sinh năm 1971 (giấy ủy quyền số giấy ủy quyền số 423/2024/UQ-TGĐ ngày 05/01/2024). (vắng mặt – có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Lâm Thị N- sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: B B, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/01/2024 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây viết tắt là Ngân hàng) cùng lời khai của đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày như sau:

Bà Lâm Thị N có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng bao gồm: giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 14/11/2018 được duyệt cấp thẻ ngày 15/11/2018 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng có hiệu lực từ ngày 15/8/2016, để vay tiền của Ngân hàng sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân. Căn cứ thu nhập của bà N, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng số 356481-7688 với hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng. Theo bản điều khoản và điều

kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, hai bên thỏa thuận tiền lãi phải trả theo lãi suất do Ngân hàng áp dụng theo Thông báo số 113/TB-TTT ngày 4/7/2011 là 2,15%/tháng và Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 là 2,6%/tháng, thời hạn thanh toán vào ngày 22 hàng tháng. Ngân hàng đã phát hành và gửi cho bà N thẻ tín dụng số 356481- 7688.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 140.070.000 đồng và đã thanh toán tiền nợ gốc, lãi, phí tổng cộng là 127.858.000 đồng. Quá trình trả nợ bà Lâm Thị N đã nhiều lần thanh toán trễ hạn và ngưng thanh toán từ 23/12/2019. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu thanh toán nợ nhưng bà N không trả đủ số tiền còn nợ, nên ngày 23/04/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà N và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 19.613.974 đồng sang nợ gốc quá hạn.

Nay, Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu cá nhân bà Lâm Thị N thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 14/8/2024 là 59.773.324 đồng (trong đó nợ gốc là 19.613.974 đồng, lãi quá hạn là 40.159.350 đồng) và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 15/8/2024 đến khi trả hết nợ.

- Bà Lâm Thị N không có ý kiến, không đến Tòa án nhân dân Quận 6 để làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản nêu ý kiến.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S buộc bà Lâm Thị N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 14/8/2024 là 59.773.324 đồng, trong đó nợ gốc là 19.613.974 đồng, nợ lãi quá hạn là 40.159.350 đồng và có trách nhiệm thanh toán hoản lãi phát sinh sau ngày xét xử cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cùng ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

Ngày 23/01/2024 Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã nộp đơn khởi kiện đề ngày 23/01/2024 trong đó ghi người bị kiện là bà Lâm Thị N có địa chỉ là B B, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Quận 6 không tống đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án, do bà N không còn cư trú tại địa chỉ mà Ngân hàng cung cấp (theo kết quả xác minh của Công an P Quận F). Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền vay còn nợ theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đề ngày 14/11/20218, có ghi địa chỉ của bà N là B B, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, Ngân hàng đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bà N, nhưng bà N thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự, là đã cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, Tòa án nhân dân Quận 6 tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu trả số tiền vay còn nợ đối với bà Lâm Thị N, có nơi cư trú cuối cùng tại B B, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Lâm Thị N theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xét bà N là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không đến dự phiên tòa và Ngân hàng Thương mại cổ phần S do ông Trần Gia T đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Lâm Thị N là bị đơn, và ông Trần Gia T đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần S là nguyên đơn.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Tòa án nhân dân Quận 6 đã niêm yết hợp lệ cho bà Lâm Thị N thông báo thụ lý số 210/TB-TLVA ngày 15/3/2024 về việc thụ lý vụ án "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu bà N trả tiền vay còn nợ. Phía bà N không có văn bản ghi ý kiến, cũng như không đến Tòa án nhân dân Quận 6 theo giấy triệu tập để trình bày ý kiến, chứng tỏ bà N đã "*không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu …*" mà bên Ngân hàng đưa ra. Chính vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Quận 6 công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu do Ngân hàng đưa ra có giá trị chứng minh.

Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 14/11/2018 được duyệt cấp thẻ ngày 15/11/2018 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng có hiệu lực từ ngày 15/8/2016, cùng lời khai của đại diện Ngân hàng cho thấy giao dịch giữa Ngân hàng và bà N là "Hợp đồng vay tài sản" có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 117, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có hiệu lực thực hiện theo thỏa thuận: bà Lâm Thị N được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng số 356481-7688 với hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng, tiền lãi phải trả theo lãi suất do Ngân hàng áp dụng theo Thông báo số 113/TB-TTT ngày 4/7/2011 là 2,15%/tháng và theo Quyết định 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 là 2,6%/tháng, thời hạn thanh toán trước ngày 22 hàng tháng.

Đại diện Ngân hàng trình bày: Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 140.070.000 đồng và đã thanh toán tiền nợ gốc, lãi, phí tổng cộng là 127.858.000 đồng. Quá trình trả nợ bà Lâm Thị N đã nhiều lần thanh toán trễ hạn và ngưng thanh toán từ 23/12/2019. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu thanh toán nợ nhưng bà N không trả đủ số tiền còn nợ, nên ngày 23/04/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà N và chuyển toàn bộ dự nợ còn thiếu là 19.613.974 đồng sang nợ gốc quá hạn.

Như vậy, bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận của hợp đồng. Do đó, căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010; khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016, bà N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tiền nợ vay gồm: nợ gốc là 19.613.974 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 23/4/2020 đến 14/8/2024 là 40.159.350 đồng, tổng cộng là 59.773.324 đồng.

Về thời hạn thanh toán: Số tiền bà N còn thiếu nêu trên đến nay đã quá hạn thanh toán theo thỏa thuận, nên căn cứ Điều 278 Bộ luật Dân sự thì phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền 59.773.324 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, bà N còn phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tiền lãi theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đề ngày 14/11/2018 được duyệt cấp thẻ ngày 15/11/2018 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng có

hiệu lực từ ngày 15/8/2016, trên dư nợ gốc chưa trả tính từ ngày 15/8/2024 đến khi trả hết nợ.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[3].Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

Bà Lâm Thị N phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ vay nêu trên, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 2.988.666 đồng.

Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.351.544 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009667 ngày 13/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 278, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần S:

Buộc bà Lâm Thị N trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền vay còn nợ 59.773.324 đồng (trong đó: nợ gốc là 19.613.974 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 14/8/2024 là 40.159.350 đồng) đối với thẻ tín dụng số 356481-7688 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đề ngày 14/11/2018 được duyệt cấp thẻ ngày 15/11/2018 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

Bà Lâm Thị N phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S toàn bộ số tiền 59.773.324 (năm mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi ba ngàn ba trăm hai mươi bốn) đồng nêu trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Bà Lâm Thị N còn phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tiền lãi theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đề ngày 14/11/2018 được duyệt cấp thẻ ngày 15/11/2018 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, trên dư nợ gốc chưa trả, tính từ ngày 15/8/2024 đến khi trả hết nợ vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lâm Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.988.666 (hai triệu chín trăm tám mươi tám ngàn sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.351.544 (một triệu ba trăm năm mươi mốt ngàn năm trăm bốn mươi bốn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009667 ngày 13/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần S và bà Lâm Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Kim Sa